

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-PT

Ngày 29/11/2019

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Giáp.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hán Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn K, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn là anh Hán Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị N và anh H được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh từ ngày 19 tháng 9 năm 2012 theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau ngay.

Mâu thuẫn vợ chồng theo chị N trình bày: Do cuộc sống hàng ngày vợ chồng có nhiều quan điểm trái ngược nhau, nhất là khi anh H đi lao động ở nước ngoài về, anh H thường ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã. Chị và anh H đã ly thân một lần và đã làm đơn ra tòa để giải quyết ly hôn vào tháng 8 năm 2017 nhưng sau đó vợ chồng lại về đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi về đoàn tụ thì tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng vẫn thường xảy ra va chạm, chị và anh H đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị xin được ly hôn với anh H.

Mâu thuẫn vợ chồng theo anh H trình bày: Do cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra va chạm, từ đó khiến cho cuộc sống vợ chồng hết sức trầm trọng. Anh và chị N đã ly thân một lần và làm đơn ly hôn ra tòa vào tháng 8 năm 2017 nhưng sau đó được Tòa án hòa giải động viên nên anh chị rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi về đoàn tụ thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nên nay chị N xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị N và anh H cùng xác định có 01 con là Hán Gia B, sinh ngày 07/4/2013, hiện con chung khỏe mạnh. Khi ly hôn cả chị N và anh H đều xin được nuôi con. Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng; anh H không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Theo chị N vợ chồng chị có 143m² đất ở thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 47 tại thôn N, xã P, thửa đất này mua của vợ chồng dì chị N là bà Túc, ông Doan vào năm 2014, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H. Trên đất vợ chồng chị có xây một ngôi nhà 3 tầng cùng các công trình khác vào năm 2017.

Về công nợ, chị xác định vợ chồng chị còn nợ ông Dương Văn K hơn 30 triệu đồng tiền mua sơn khi làm nhà.

Chị N đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản, công nợ trên khi chị và anh H ly hôn.

Theo anh H thì thửa đất số 135, tờ bản đồ số 47 có diện tích 143m² tại thôn N, xã P là của riêng anh mua của vợ chồng ông Doan, bà Túc là dì chị N vào năm 2014. Trên đất có một ngôi nhà 3 tầng và các công trình khác là của bố để anh bỏ tiền ra xây

dựng. Anh xác định đất là của anh và ngôi nhà cùng các công trình khác trên đất là của bố để anh nên anh không nhất trí với yêu cầu chia tài sản của chị N.

Về công nợ, anh xác định vợ chồng anh còn nợ ông Dương Văn K hơn 30 triệu đồng tiền mua sơn khi làm nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn K xác định vợ chồng chị N, anh H khi làm nhà vào năm 2017 còn nợ ông tiền mua sơn là 33.216.000đ. Nay anh chị ly hôn ông yêu cầu chị N, anh H phải trả cho ông số tiền trên, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị N được ly hôn với anh Hán Văn H.

Về con chung: Giao con chung là Hán Gia B, sinh ngày 07/4/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N là 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Giao cho anh Hán Văn H sử dụng 143m² đất ở thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 47 tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu ngôi nhà 3 tầng cùng các công trình xây dựng khác trên đất. Nhưng anh H có nghĩa vụ trả ông Dương Văn K 33.216.000đ và phải thanh toán trả cho chị Dương Thị N phần chênh lệch tài sản là 1.364.164.500đ.

Chị Dương Thị N được quyền sử dụng số tiền 1.364.164.500đ do anh Hán Văn H trả.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, anh Hán Văn H kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về phần tài sản, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia tài sản trên đất với giá trị 900.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Hưởng và chị N thống nhất thỏa thuận:

Về tài sản: anh Hán Văn H sử dụng 143m² đất ở thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 47 tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu ngôi nhà 3 tầng cùng các công trình xây dựng khác trên đất. Nhưng anh H có nghĩa vụ trả ông Dương Văn K 33.216.000đ và phải thanh toán trả cho chị Dương Thị N phần chênh lệch tài sản là 1.000.000.000đ.

Về con chung: Giao cháu Hán Gia B cho anh H nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Phần án phí về chia tài sản của chị N là 42.000.000đ, chị N chịu 25.000.000đ đã nộp tạm ứng, còn lại 17.000.000đ anh H tự nguyện nộp cho chị N.

Sau khi thỏa thuận, anh H đã thanh toán trả cho chị N 1.000.000.000đ và trả cho ông K 33.216.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa anh H và chị N đã tự thỏa thuận về việc phân chia tài sản; nuôi con cũng như án phí nên cần công nhận sự thỏa thuận này và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Hán Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, do vậy kháng cáo của anh Hưởng là hợp lệ.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 tuy nhiên hai vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã. Anh chị đã ly thân một lần và đã làm đơn ra tòa để giải quyết ly hôn vào tháng 8 năm 2017 nhưng sau đó vợ chồng lại về đoàn tụ. Sau khi về đoàn tụ thì tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, hai anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị Ngọc và anh Hưởng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngọc với anh Hưởng là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Hưởng và chị N thống nhất thỏa thuận:

Về tài sản: Anh Hán Văn H sử dụng 143m² đất ở thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 47 tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu ngôi nhà 3 tầng cùng các công trình xây dựng khác trên đất. Nhưng anh H có nghĩa vụ trả ông Dương Văn K 33.216.000đ và phải thanh toán trả cho chị Dương Thị N phần chênh lệch tài sản là 1.000.000.000đ.

Về con chung: Giao cháu Hán Gia B cho anh H nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Phần án phí về chia tài sản của chị N là 42.000.000đ, chị N chịu 25.000.000đ đã nộp tạm ứng, còn lại 17.000.000đ anh H tự nguyện nộp cho chị N.

Sau khi thỏa thuận, anh H đã thanh toán trả cho chị N 1.000.000.000đ và trả cho ông K 33.216.000đ.

Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận của anh H và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội phù hợp với nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

Về án phí phúc thẩm: Anh H phải phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án sơ thẩm

Áp dụng Điều 33, 37, 51, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Điều 147, 165, 235, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị N được ly hôn với anh Hán Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về con chung: Giao con chung là Hán Gia B, sinh ngày 07/4/2013 cho anh Hán Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu. Chị Ngọc có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Giao cho anh Hán Văn H sử dụng 143m² đất ở thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 47 tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu ngôi nhà 3 tầng cùng các công trình xây dựng khác trên đất. Anh H có nghĩa vụ trả ông Dương

Văn K 33.216.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng) và phải thanh toán trả cho chị Dương Thị N phần chênh lệch tài sản là 1.000.000.00đ (Một tỷ đồng).

Chị Dương Thị N được quyền sử dụng số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) do anh Hán Văn H trả.

Xác nhận anh Hán Văn H đã trả ông Dương Văn K 33.216.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng) và trả cho chị Dương Thị N 1.000.000.00đ (Một tỷ đồng).

- Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 25.000.000đ án phí chia tài sản có giá ngạch, anh H phải chịu 17.000.000đ án phí chia tài sản có giá ngạch cho phần của chị N. Xác nhận chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 25.000.000đ theo biên lai thu số 0001100 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Chị Dương Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 04454 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Anh Hán Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và 53.755.335đ án phí chia tài sản có giá ngạch. Xác nhận anh Hưởng đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu số AA/2017/0001357 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trả lại ông Dương Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000đ theo biên lai thu số 0001116 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Về chi phí tố tụng khác: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị N, chị N chịu cả 4.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận chị N đã nộp đủ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Minh